

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/DS-ST
Ngày: 13/01/2022
V/v: Tranh chấp về đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 594/2021/TLST-DS ngày 31/12/2020 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5472/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6287/2021/QĐST-DS ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Chi L, sinh năm 1951 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường C, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Công ty A (Vắng mặt)

Trụ sở : Số F Quốc J, khu phố I, phường J, thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Chi L trình bày:

Ngày 10/02/2018, ông L có ký với Công ty A (gọi tắt: Công ty A) hợp đồng thi công về việc gia công móng và chỉnh nghiêng nhà. Thực hiện hợp đồng, theo yêu cầu của giám đốc Công ty A, ngày 10/8/2018, ông L đã tạm ứng cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của ông Hồ Thanh L1, là nhân viên của Công ty A. Ngày 15/8/2018, ông L tạm ứng tiếp cho Công ty A số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi công trình thi công được khoảng 01 tuần, khối lượng công việc mà Công ty A đã thực hiện là đập bỏ cầu thang tầng trệt, đào mấy hố móng trên nền nhà thì bị chính quyền yêu cầu dừng thi công do Công ty A không xuất trình được giấy phép sửa chữa. Sau đó, Công ty A và ông L đã ký biên bản thỏa thuận vào ngày 10/10/2018 về việc hủy hợp

đồng thi công đã được giao kết giữa hai bên. Phần thanh toán hai bên tự thỏa thuận dựa trên khối lượng công việc thực tế. Tuy nhiên, sau khi ký biên bản hủy hợp đồng, Công ty A đã không quay lại để thỏa thuận thanh toán hợp đồng. Ông L đã nhiều lần yêu cầu Công ty A thanh toán cho ông số tiền đã tạm ứng nhưng bị đơn không thực hiện.

Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 120.000.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 09/11/2021, nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Công ty A phải thanh toán cho ông số tiền 70.000.000 đồng mà ông đã đóng cho công ty vào ngày 15/8/2018, không yêu cầu đối với số tiền 50.000.000 đồng ông đã chuyển qua số tài khoản của ông Hồ Thanh L1.

* Bị đơn Công ty A đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản để tham gia tố tụng tại Toà nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án không thể lấy lời khai của bị đơn được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Toà án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thi công ngày 10/02/2018 và biên bản hủy hợp đồng ngày 10/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện. Hình thức và nội dung của các văn bản trên không vi phạm điều cấm của luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc nhiệm của cả hai bên. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về đòi tài sản. Bị đơn Công ty A có trụ sở tại thành phố K, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty A đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ông Trần Chi L có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 70.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập thể hiện giữa ông L và Công ty A có ký hợp đồng thi công vào ngày 10/02/2018 về việc thi công công trình và sửa chữa nhà tại địa chỉ: Số 336 Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện hợp đồng, ông L đã tạm ứng trước cho Công ty A số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 15/8/2018. Ngày 10/10/2018, hai bên ký biên bản thoả thuận về việc huỷ hợp đồng thi công ngày 10/02/2018. Biên bản thể hiện rõ nội dung bên nhận thi công chưa hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng: Chậm trễ trong việc thi công, không có máy móc để thi công công trình, không có giấy phép sửa chữa nhà nên phải bị tạm dừng thi công theo yêu cầu của chính quyền.

Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định hậu quả của việc huỷ bỏ hợp đồng là các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ đi các chi phí hợp lý trong việc thực hiện hợp đồng. Việc xác định các chi phí mà Công ty A đã bỏ ra trong quá trình thực hiện hợp đồng là trách nhiệm của bị đơn. Đó là căn cứ để hai bên thoả thuận, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tuy nhiên, bị đơn không chỉ có lỗi trong việc làm cho hợp đồng bị huỷ bỏ mà còn không hợp tác, không thiện chí cùng nguyên đơn trong việc giải quyết hậu quả của hợp đồng bị huỷ bỏ. Hành vi đó gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử đồng quan điểm với đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 423, Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Chi L.

Buộc Công ty A phải thanh toán cho ông Trần Chi L số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ khi ông Trần Chi L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.500.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Chi L, Công ty A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

